TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/DS-PT
Ngày 23 - 3 - 2018
V/v *Tranh chấp thừa kế tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Võ Ngọc Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Đức - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2017/TLPT-DS ngày 27/11/2017 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55A/2018/QĐ-PT ngày 28/02/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thanh X; địa chỉ: Khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Cụ Nguyễn Xuân P; địa chỉ: Khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình

Định.

- Người đại diện theo uỷ quyền của cụ P: Ông Nguyễn Xuân D; địa chỉ: Khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bà Nguyễn Thị S; địa chỉ: Thôn Th, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bà Đặng Thị Thu L1; địa chỉ: Khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bà Phan Thị Minh T; địa chỉ: Khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Chị Nguyễn Thị M; địa chỉ: Phương Danh, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Chị Nguyễn Thị Đ1; địa chỉ: Số 73 đường Đ, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Chị Nguyễn Thị Q; địa chỉ: Khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Chị Nguyễn Thị Ánh V; địa chỉ: 229 đường D, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L2; địa chỉ: Số 73 đường N, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ H1; địa chỉ: Khu vực p, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Chị Nguyễn Thị Ánh V1, anh Nguyễn Đặng Đ2; cùng địa chỉ: 14 đường P, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Uỷ ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bà Phan Thị L3, ông Ngô Văn Th, bà Mạc Thị L3, ông Lê Văn Ch, bà Tô Thị H2, ông Ngô Ngọc Th, ông Ngô Thanh Ph; cùng địa chỉ: Khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

***Người kháng cáo*:** ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị Thu L4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01.3.2001 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Cố Nguyễn Nh chết không rõ năm nào và vợ là Phùng Thị Tr chết năm 1967 không để lại di chúc, có 02 con chung là Nguyễn Th và Nguyễn Xuân P.

Cụ Nguyễn Th chết năm 1967, vợ là cụ Hồ Thị M chết năm 1985, cả hai

cụ trước khi chết đều không để lại di chúc. Vợ chồng hai cụ có 05 người con gồm: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thanh X và Nguyễn Thị S.

Theo ông Nguyễn Văn Đ, năm 1962 cha mẹ ông mua của cụ Lê Thị Năm 05 sào 13 thước đất gần cầu 2Đ, khi đó bà nội đã già. Năm 1967 cha ông chết, năm 1970 mẹ ông làm nhà trên đất để ở. Ông là con lớn trong gia đình có đóng góp công sức và đưa 10.000đ để cùng mẹ làm nhà. Khi làm nhà, do thiếu tiền nên mẹ ông phải thục (thế chấp) đám ruộng cho bà Ân ở cùng thôn thời hạn 03 năm để lấy 50.000đ. Sau 03 năm, cụ P góp 50.000đ ra chuộc đất về cho mẹ ông. Một năm sau, ông bỏ tiền để trả cho cụ P. Như vậy, ông góp 60.000đ để mẹ ông làm nhà, trị giá bằng 06 cây vàng. Sau khi làm nhà, cả gia đình ông ở đây. Sau năm 1976 ông được mẹ cho ở riêng và làm nhà tranh trên đất của họ tộc (chỗ ở hiện nay của gia đình ông). Năm 1979 họ tộc thấy ông ở đó có trách nhiệm cúng giỗ tổ tiên nên cho ông làm nhà ngói ở đến nay. Còn nhà đất tại cầu 2Đ thì mẹ ông và ông H ở, các người con gái đi lấy chồng ở nơi khác. Riêng bà Nguyễn Thị X cũng làm nhà ở trên một phần đất của cha mẹ để lại cùng với ông H.

Sau năm 1975 mẹ ông hiến cho Nhà nước khoảng 2 sào đất. Hiện nay ông H quản lý toàn bộ diện tích đất còn lại. Ngôi nhà của mẹ ông xây dựng đã bị cơn bão năm 2001 làm đổ sập mái chỉ còn nền nhà. Khi mẹ ông còn sống không chia tài sản cho các con. Đất ông đang ở là của họ tộc, không có quyền chia thừa kế.

Ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật di sản cha mẹ là ba thửa số 667, 675, 676 tờ bản đồ số 9, hiện nay ông H, bà X đang quản lý, sử dụng, ông yêu cầu nhận hiện vật là phần đất có nền nhà của mẹ ông để lại. Ông không đồng ý chia thừa kế thửa đất số 49, tờ bản đồ số 4, vì đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của ông Đ về quan hệ gia đình, di sản và hàng thừa kế và thời gian cha mẹ chết không để lại di chúc.

Về di sản: ông bà nội ông có 2 mảnh đất để lại cho cha mẹ ông. Khi còn sống cha mẹ ông có 2 căn nhà: Một căn là nhà từ dường hiện ông Đ đang ở nhưng đã bị cháy năm năm 1969, sau giải phóng mẹ ông làm lại nhà tranh và cho ông Đ ở, sau này ông Đ phá nhà tranh làm lại nhà như hiện nay. Sau khi cha ông chết, năm 1970 mẹ ông làm nhà tại đất gần cầu 2Đ hiện ông đang ở.

Tại buổi giỗ bà nội ông năm 1976, mẹ ông đã phân chia nhà đất trong đó ông Đ được mẹ ông cho nhà trên đất hiện ông Đ đang ở còn ông được cho nhà

gắn liền với quyền sử dụng đất hiện ông dang sử dụng. Việc chia tài sản của mẹ ông có cả chú ruột Nguyễn Xuân P chứng kiến, mọi người không có ý kiến gì.

Sau khi mở đường (năm 1993), Quốc lộ 1 dịch chuyển về gần phần đất của cha mẹ ông nhưng đất vẫn không giáp đường. Năm 1997 ông mua thêm đất của ông C giáp Quốc lộ 1 có chiều rộng 7,2m; diện tích 149m^2; giá 5,5 lượng vàng nên đất của cha mẹ ông mới có một phần giáp quốc lộ 1. Hiện ông đã làm nhà cấp 3, ngôi nhà của ông xây dựng một phần trên đất của cha mẹ, một phần trên đất mua của ông C. Nhà của cha mẹ ông để lại đã bị bão năm 2001 làm đổ sập chỉ còn tường. Mẹ ông không thục đất lấy tiền làm nhà như ông Đ khai.

Ngày 11 tháng 11 năm 2016 ông H có đơn phản tố yêu cầu chia thừa kể theo pháp luật dối với nhà và đất thửa số 49, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H rút đơn phản tố yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà và đất thửa số 49, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định và chấp nhận yêu cầu chia thừa kế cho ông Đ phần đất phía bờ sông tính ra 6 m kéo dài 53,1 m và kéo thẳng về phía bắc rộng 5,3 m và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được chia; không yêu cầu ông Đ thối lại giá trị chênh lệch tài sản được nhận nhiều hơn phần được hưởng thừa kế; đồng thời chừa lối đi sử dụng chung đoạn phía trước 15,54 m2 đoạn tiếp theo kéo dài đến phần đất chia cho ông Đ 126,7 m2. Không chấp nhận chia tại khu nền nhà cũ vì khi mở lối đi cắt qua phần nhà ông đã xây dựng ảnh hưởng đến nhà giá trị sử dụng đất của vợ chồng ông.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Xuân D người đại diện hợp pháp của cụ Nguyễn Xuân P trình bày:

Đất tranh chấp là của cha mẹ cụ P để lại, do mẹ của cụ mua của cụ N vào năm 1963, giấy tờ mua đất hiện nay vẫn còn. Cha mẹ cụ để lại 2 thửa đất: một thửa do ông Đ đang quản lý, một thửa do ông H đang quản lý nay đang tranh chấp.

Lẽ ra, cụ P được hưởng đất tranh chấp nhưng để cho cụ Th, cụ M ở, cụ P không yêu cầu chia mà đồng ý cho ông H ở. Cụ xác nhận có chứng kiến việc cụ M chia nhà đất như ông H khai và thừa nhận có việc cụ M thục đất lấy tiền làm nhà, mua trâu; năm 1976 cụ đưa 50.000 đồng cho ông Đ đi chuộc đất, ông Đ không bỏ tiền ra chuộc đất.

Đất tranh chấp trước đây không giáp dường, phải đi nhờ đất người khác, sau khi mở đường quốc lộ 1, ông H mua thêm của chị em ông C, bà G 7,2 m đất mặt đường nên đất này mới có một phần giáp quốc lộ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D thống nhất và chấp nhận cách chia của ông H.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày:

Thống nhất như lời khai của ông H và không đồng ý chia đất cho ông Đ mà yêu cầu để ông H sử dụng toàn bộ. Nếu chia thừa kế bà đồng ý cho ông H được hưởng phần của bà.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án Ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày:

Thống nhất như lời khai của ông H và không đồng ý chia đất cho ông Đ mà yêu cầu để ông H sử dụng toàn bộ. Nếu chia thừa kế các bà đồng ý cho ông H được hưởng phần của các bà.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thu L1 trình bày:

Thống nhất như lời khai và yêu cầu của ông ông Đ (chồng bà).

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Minh T trình bày: Thống nhất trình bày ông H (chồng bà).

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị Thu L1 là người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Đ1, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị Ánh V, chị Nguyễn Thị Mỹ L2, chị Nguyễn Thị Anh V2, anh Nguyễn Đặng Đ2, chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị Mỹ H3 trình bày: Thống nhất trình bày của Nguyên đơn.

Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị Mỹ H1 trình bày: Thống nhất trình bày của Nguyên đơn.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Ngọc Th, bà Phan Thị L3 trình bày: Hiện nay ông, bà có sử dụng để rơm rạ trên diện tích 119 m^2 đất do ông H quản lý trước dây, nếu ông H có yêu cầu ông sẽ trả lại.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn Th, bà Mạc Thị L3 trình bày: Hiện nay ông, bà có sử dụng 15 m^2 đất phần đất do ông H cho có giấy viết tay.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ch, bà Tô Thị H2 trình bày: Hiện nay ông, bà có đi trên phần đất 135 m^2, phần đất do ông H quản lý trước đây, nếu ông H có yêu cầu ông sẽ trả lại.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Minh Toán người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã A trình bày:

Đối với phần đất hiện nay ông H, bà X quản lý, sử dụng chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng theo sổ Mục kê bản đồ năm 1983 ông H đăng ký thửa 1977 diện tích 1440m^2, theo sổ địa chính bản đồ năm 1993 ông H đăng ký thửa 93 diện tích 1339m^2, còn 135m^2 đất bồi ven sông do Ủy ban quản lý không phải là di sản. Riêng 11,7m^2 đất lối đi là đất ông H nhận chuyển nhượng của ông C năm 1997.

Đối với phần đất hiện nay hộ gia đình ông Đ quản lý sử dụng, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng dất cho hộ ông Đ, vì hộ gia đình ông Đ là hộ xã viên hợp tác xã nên được cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ gồm 8 nhân khẩu trong đó đất ở không cân đối giao quyền sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

"Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Đ.

1. Giao cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng 509,9 m^2 đất (trong đó 40 m^2 đất ở và 469,9 m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 667, 675, 676, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu nhà vệ sinh, 01 cây dừa, 02 bụi tre (có kích thước, giới cận theo sơ đồ kèm theo).

2. Giao ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng 1.282,3 m^2 đất (trong đó 160 m^2 đất ở và 1.122,3 m^2 đất vườn) thuộc thửa số 667, 675, 676 tờ bản đồ số 09, tại khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu 01 cây dừa (có kích thước, giới cận theo sơ đồ kèm theo).

3. Lối đi sử dụng chung: Đoạn thứ nhất có diện tích 15,54 m^2, đoạn thứ hai có diện tích 126,7 m^2 (có kích thước, giới cận theo sơ đồ kèm theo).

4. Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân thị xã A cho rằng 135m^2 đất bồi ven sông do Ủy ban quản lý không phải là di sản.

5. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Th, cụ M là nhà và đất thửa số 49, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định; nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật."

Ngày 31/8/2017, ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị Thu L4 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu được giao phần đất phía Bắc có nền nhà cũ trước đây.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị Thu L4 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Nguồn gốc đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Th, cụ M để lại. Các đương sự thống nhất diện tích đất di sản là 1.918m^2. Về thửa đất diện tích 135m^2, Ủy ban nhân dân phường Đập Đá thừa nhận ông H có kê khai, đăng ký. Việc phân chia di sản thừa kế cần tránh xáo trộn, đảm bảo giá trị sử dụng đất sau phân chia. Tòa án cấp sơ thẩm phân chia cho ông Đ 509m^2 lớn hơn kỷ phần được hưởng là phù hợp, đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị Thu L4.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Di sản thừa kế của cụ Th, cụ M để lại là nhà và đất thửa số 667, 675 và 676, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định do ông H, bà T và bà X đang quản lý, sử dụng.

[2] Những người hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Th, cụ M là ông Đ, bà X, bà L3, bà S, ông H. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận các bà X, bà L3, bà S tự nguyện nhường phần mình được hưởng thừa kế cho ông H.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không có kháng cáo về diện tích đất là di sản thừa kế, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất di sản thừa kế của cụ Thế, cụ Mười là 1.918,9 m^2 bao gồm: 1.736,2 m^2 + 135 m^2 + 11,7 m^2 + 15m^2 + 21 m^2), trong đó có 200 m^2 đất ở và 1.718,9 m^2 đất vườn và phân chia mỗi kỷ phần: 383,78m^2, là có cơ sở.

[4] Xét kháng cáo của ông Đ yêu cầu được giao phần đất phía Bắc có nền nhà cũ trước đây, thấy rằng: ông H là người có quá trình quản lý, sử dụng thửa đất là di sản thừa kế trong thời gian dài, đã xây dựng nhà ở trên thửa đất. Do đó, việc phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật cần đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho các đương sự sử dụng đất sau khi phân chia, không ảnh hưởng đến tài sản đã có trên thửa đất. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông Đ diện tích 509,9 m^2 là vượt diện tích ông Đ hưởng thừa kế là 126,12 m^2 (509,9 m^2 – 383,78 m^2). Mặt khác,

ông Đ đã có nhà ở tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.456m^2. Do đó, yêu cầu của ông Đ được giao phần đất phía Bắc có nền nhà cũ trước đây là không có cơ sở để chấp nhận. Ông Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh về qui hoạch Nhà nước không cho phép xây dựng nhà trong phạm vi 5m gần bờ sông trên phần đất ông được chia.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho ông Đ phần đất phía bờ sông tính ra 6m kéo dài 53,1m và kéo thẳng về phía Bắc rộng 5,3 m và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được chia, chấp nhận đề nghị của ông H không yêu cầu ông Đ thối lại giá trị chênh lệch tài sản được nhận nhiều hơn kỷ phần được hưởng thừa kế là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

[6] Từ các phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị Thu L4, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị Thu L4.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 688, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Đ.

1. Giao cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng 509,9 m^2 đất (trong đó 40 m^2 đất ở và 469,9 m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 667, 675, 676, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu nhà vệ sinh, 01 cây dừa, 02 bụi tre (có kích thước, giới cận theo sơ đồ kèm theo).

2. Giao ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng 1.282,3 m^2 đất (trong đó 160 m^2 đất ở và 1.122,3 m^2 đất vườn) thuộc thửa số 667, 675, 676 tờ bản đồ số 09, tại khu vực B, phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu 01 cây dừa (có kích thước, giới cận theo sơ đồ kèm theo).

3. Lối đi sử dụng chung: Đoạn thứ nhất có diện tích 15,54 m^2, đoạn thứ hai có diện tích 126,7 m^2 (có kích thước, giới cận theo sơ đồ kèm theo).

4. Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân thị xã A cho rằng 135m^2

đất bồi ven sông do Ủy ban quản lý không phải là di sản.

5. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Th, cụ M là nhà và đất thửa số 49, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại phường 2Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

6. Về án phí:

a. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 17.034.075 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ 9.147.899 đồng đã nộp theo Quyết định số 46/QĐ- THAKT ngày 31/3/2008 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, ông Đ còn phải nộp 7.886.176 đồng.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 48.495.765 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ 875.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 07931 ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, ông H còn phải nộp 47.620.765 đồng.

b. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp theo biên lai số 08083 ngày 19/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bà Đặng Thị Thu L4 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp theo biên lai số 08084 ngày 19/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

7. Chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản:

Ông Nguyễn Văn Hoàng có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ 7.280.000 đồng.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Tự